

Số: /GPMT-UBND                      Vĩnh Phúc, ngày            tháng            năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng công suất nhà máy Nhà máy sản xuất phụ tùng cơ khí, sản phẩm sơn nhựa, xi mạ của Công ty TNHH MTV Thiện Mỹ, lô CN11, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;*

*Căn cứ Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 1813/GXN-STNMT ngày 18/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Thiện Mỹ Vĩnh Phúc tại Văn bản số 02 CV/MT-TMVP/2013 ngày 21/3/2023 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 98/TTr-STNMT ngày 23/3/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thiện Mỹ Vĩnh Phúc (Địa chỉ tại lô CN11, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất phụ tùng cơ khí, sản phẩm sơn nhựa, xi mạ với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của Dự án:**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất phụ tùng cơ khí, sản phẩm sơn nhựa, xi mạ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN 11, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 2500371461 được phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 15 tháng 9 năm 2009; thay đổi lần thứ 01 ngày 21 tháng 6 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 2500371461.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất và gia công phụ tùng cơ khí, sản phẩm nhựa sơn, xi mạ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

\* Phạm vi: Cơ sở được triển khai trên diện tích 8.708 m<sup>2</sup> thuộc Lô CN11, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

\* Phân loại Dự án theo pháp luật về bảo vệ môi trường: Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, đã được UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1422/QĐ-UBND ngày 22/6/2018; đã được UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1422/QĐ-UBND ngày 22/6/2018, có Giấy phép môi trường thành phần là Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 1813/GXN-STNMT ngày 18/7/2019.

\* Công suất sản xuất:

- Giai đoạn hiện tại: Mạ Niken - Crom trên nền nhựa: 294 tấn/năm; gia công sơn nhựa: 14,7 tấn/năm.

- Giai đoạn nâng công suất: Mạ Niken - Crom trên nền nhựa: 580,74 tấn/năm; gia công sơn nhựa: 14,7 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Thiện Mỹ Vĩnh Phúc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng;

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật;

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường;

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Giấy phép môi trường thành phần do Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp cho Công ty TNHH MTV Thiện Mỹ Vĩnh Phúc là Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 1813/GXN-STNMT ngày 18/7/2019 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT;
  - CVP, các PCVP;
  - Các sở, ngành: TNMT, Ban Quản lý các KCN, Công an tỉnh;
  - UBND thành phố Vĩnh Yên;
  - Công TTĐT Vĩnh Phúc (để đăng tải công khai);
  - Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
  - Công ty TNHH MTV Thiện Mỹ Vĩnh Phúc;
  - CV: CN1,2,3;
  - Lưu: VT, NN4.
- (H- b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Khước**

**PHỤ LỤC 1**  
**NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

**a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ khu vực nhà ăn và khu vực nhà vệ sinh...) được xử lý sơ bộ tại nguồn trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm của cơ sở để xử lý, sau đó được đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ nhà xưởng và từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm của cơ sở để xử lý, sau đó được đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang.

**b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Tóm tắt quy trình: Nước thải sản xuất + nước thải sinh hoạt → Bể thu gom và xử lý → Bể phản ứng tập trung → Bể lắng → Bể trung hòa → Xả ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang.

- Công suất thiết kế: 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, riêng chỉ tiêu kim loại cột A.

- Hóa chất sử dụng: Ca(OH)<sub>2</sub>, Na<sub>2</sub>S<sub>2</sub>O<sub>4</sub>, Polymer, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>.

- Chế độ vận hành: Liên tục, tự động.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

**a) Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:** Theo quy định tại Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**b) Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm:** Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu: Tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty và điểm xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Khai Quang, tọa độ X: 2356597, Y: 565854

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Giám sát các thông số bao gồm: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, chất rắn lơ lửng, tổng N, Tổng P, amoni, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, Ni, Fe, Mn, Zn, Cu, Cr<sup>3+</sup>, Cr<sup>6+</sup>, Hg, Pb.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT Cột A đối với các thông số kim loại, cột B đối với các thông số còn lại.

c) **Tần suất lấy mẫu:** Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 40:2011/BTNMT cột A đối với các thông số kim loại và cột B đối với các thông số còn lại.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Giấy phép môi trường này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

**1. Nội dung cấp phép xả khí thải**

**1.1. Nguồn phát sinh khí thải**

Cơ sở có 02 nguồn khí thải, bao gồm:

- Nguồn khí thải số 1: Khí thải phát sinh từ công đoạn sơn.
- Nguồn khí thải số 2: Khí thải phát sinh từ công đoạn mạ.

**1.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải**

- Công ty có 02 dòng khí thải (trương ứng với từng hệ thống xử lý và hệ thống thoát khí) bao gồm:

+ Dòng khí thải từ ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 1 công suất 10.000 m<sup>3</sup>/giờ; tọa độ xả thải: X: 2356643,307; Y: 565878,616.

+ Dòng khí thải từ ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 2 công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ; tọa độ: X: 2356698,653; Y: 565875,510.

- Lưu lượng xả tối đa: 40.000 m<sup>3</sup>/giờ
- Phương thức xả: Cường bức.
- Chế độ xả: Liên tục cùng thời gian sản xuất tại các khu vực.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) với K<sub>p</sub> = 0,9; K<sub>v</sub> = 0,8 và QCVN 20:2009/BTNMT đối với các thông số: Bụi tổng, hơi HCl, hơi H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, Benzen, n- Butanol, toluen.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải**

**2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

- Công ty có 02 hệ thống xử lý khí thải gồm: 01 hệ thống công suất 10.000 m<sup>3</sup>/giờ và 01 hệ thống công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Công nghệ xử lý: Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng nước → Ống khói → Xả ra môi trường không khí.

- Khí thải sau xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT và QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) với K<sub>p</sub>=0,9; K<sub>v</sub> = 0,8.

- Vị trí xả thải: 02 vị trí.
- Chế độ vận hành: Liên tục, tự động.

**2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

a) Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Khoản 6

Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

*b) Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm:* Hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 2 công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải nhà xưởng 2 công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Giám sát các thông số bao gồm: Bụi tổng, hơi HCl, hơi H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, Benzen, n- Butanol, toluen.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp = 0,9 và Kv = 0,8 và QCVN 20:2009/BTNMT.

*c) Tần suất lấy mẫu:* Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 1 Phụ lục này khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Trồng cây xanh, định kỳ vệ sinh công nghiệp, phun nước rửa đường nội bộ... đảm bảo hạn chế phát tán bụi, khí thải, mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN,**  
**ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

---

**1. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất của cơ sở.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tại khu vực các xưởng sản xuất.

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn là 85 dBA (QCVN 24:2016/BYT, thời gian tiếp xúc 8 giờ) và độ rung là  $1,4\text{m/s}^2$  (QCVN 27:2016/BYT)

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung**

**a) Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn thấp; các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao,...

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ rung thấp; lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc,...

**b) Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:** Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 1 Phụ lục này

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

**1. Quản lý chất thải**

**1.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>
1	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại	07 01 05	654.218
2	Chất bịt kín có thành phần nguy hại	08 03 01	5.878
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	13,8
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại	18 01 02	1.001
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại	18 01 03	593
6	Bao bì cứng thải bằng thủy tinh có chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại	18 01 04	69
7	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, găng tay, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	17.824
8	Nước thải chứa các thành phần nguy hại	19 10 01	105.742
<b>Tổng</b>			<b>785.339</b>

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 395 kg/tháng.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 4.500 kg/tháng.

**1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:** Chủ cơ sở đã xây dựng 01 kho chứa chất thải sinh hoạt với diện tích 20m<sup>2</sup>, 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 20 m<sup>2</sup>; 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 60 m<sup>2</sup>.

**2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất; sự cố bục vỡ đường ống hệ thống xử lý nước thải;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống quạt hút tại các nhà xưởng. Trong trường hợp hệ thống quạt hút bị sự cố, tạm dừng hoạt động của dây chuyền tại vị trí phát sinh bụi, khí thải và nhanh chóng tiến hành sửa chữa hoặc thay thế.

- Với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải, phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài; trong trường hợp hệ thống bị sự cố, nước thải được lưu giữ tại hệ thống.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

*Trang cuối./.*